TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THANH HÓA** **TỈNH THANH HÓA** Số: 62/2024/QĐST - HNGĐ	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *TP.Thanh Hóa, ngày 05 tháng 12 năm 2024.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213, 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 75/2024/TLST- HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2024 về việc: Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nuôi con khi ly hôn; gồm người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Chị Lê Thị T - sinh năm: 1992
2. Anh Đỗ Văn H - sinh năm: 1991

Cùng nơi cư trú: Phố Q, phường L, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 27 tháng 11 năm 2024, các đương sự đã thỏa thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ việc dân sự, nội dung cụ thể như sau:

[1] Về hôn nhân: Chị Lê Thị T và anh Đỗ Văn H kết hôn với nhau vào năm 2018 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố T. Quá trình chung sống hoà thuận hạnh phúc được 06 năm, thì đến đầu năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng thường xuyên xảy ra va chạm, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, mặc dù hai bên gia đình khuyên giải nhưng không thể hoà thuận được. Nay chúng tôi đều xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt yêu cầu Tòa án công nhận sự thuận tình ly hôn. Xét

việc thuận tình ly hôn là hoàn toàn tự nguyện phù hợp với quy định của pháp luật nên công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Đỗ Văn H và chị Lê Thị T.

[2] Về con chung: Chị Lê Thị T và anh Đỗ Văn H thống nhất vợ chồng có 02 con chung là cháu Đỗ Tường V - Sinh ngày 01/5/2019 và cháu Đỗ Tường An S ngày 28/3/2021.

Ly hôn hai bên thoả thuận về việc nuôi và cấp dưỡng tiền nuôi con chung như sau: Giao cả hai cháu Đỗ Tường V và cháu Đỗ Tường A cho chị Lê Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh Đỗ Văn H tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng/1tháng/01 cháu (cụ thể: 02 cháu = 2.000.000 đồng/1 tháng), thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 12/2024 cho đến khi hai cháu thành niên.

Anh Đỗ Văn H có quyền đi lại, thăm nom chăm sóc giáo dục con chung không ai được cản trở.

[3] Về tài sản và công nợ chung: Chị Lê Thị T và anh Đỗ Văn H không yêu cầu tòa án giải quyết

[4] Về lệ phí: Chị Lê Thị T và anh Đỗ Văn H thống nhất chị T nộp lệ phí DSST.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như s

- Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị T và anh Đỗ Văn H.

- Về con chung: Anh Đỗ Văn H và chị Lê Thị T thống nhất vợ chồng có 02 con chung là cháu Đỗ Tường V - sinh ngày 01/5/2019 và cháu Đỗ Tường A -sinh ngày 28/3/2021.

Ly hôn hai bên thoả thuận về việc nuôi và cấp dưỡng tiền nuôi con chung như sau: Giao cả hai cháu Đỗ Tường V và cháu Đỗ Tường A cho chị Lê Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh Đỗ Văn H tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng/1 tháng/01 cháu (cụ thể: 02 cháu = 2.000.000 đồng/1 tháng), thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 12/2024 cho đến khi hai cháu thành niên.

Anh H có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung, không ai được

ngăn cấm.

- Về tài sản và công nợ chung: Chị Lê Thị T và anh Đỗ Văn H thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Hai bên thỏa thuận, chị T chịu toàn bộ lệ phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí chị đã nộp theo biên lai thu số BLTU/24/0001865 ngày 07/11/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa (chị T đã nộp đủ lệ phí).

Quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7B và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND TP Thanh Hóa;
- UBND phường Trường Thi, TP Thanh Hoá;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Lan Anh